

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Dung.

Bà Nguyễn Thị Mai Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Lam Điền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 563/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 259/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc V**, sinh năm 1990 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: **Số E đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.**

- Bị đơn: Ông **Trương Hữu L**, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Số E đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20-3-2024 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn - bà **Nguyễn Thị Ngọc V** trình bày:

Bà và ông **Trương Hữu L** tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 11-10-2011. Trong quá trình chung sống suốt 12 năm qua vợ chồng đã không hiểu nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, không cùng chung tiếng nói, thường xuyên cãi vã, đời sống chung không hạnh phúc,

mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **Trương Hữu L.**

Về nuôi con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trương Ngọc Như Ý (nữ), sinh ngày 12-11-2012. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông **L** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà **V** xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc V** có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông **Trương Hữu L** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà **V**, ông **L** là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án:* Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 20-3-2024, bà **Nguyễn Thị Ngọc V** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông **Trương Hữu L**, do đó xác định đây là loại kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do ông **L** có địa chỉ cư trú tại **quận N** nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **V** và ông **L** tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường T, quận N, thành phố Cần Thơ** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2011, quyển số 01/2011 vào ngày 11-10-2011 nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà **V** cho rằng do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà xin ly hôn với ông **L**. Hội đồng xét xử xét thấy, ông **L** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông **L** không đến điều đó chứng tỏ ông **L** không tha thiết đoàn tụ, mâu thuẫn giữa bà **V** và ông **L** đã thực sự trầm trọng, thiết nghĩ một bên đã không còn tha thiết gì với cuộc hôn nhân này và đã khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **V** theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về nuôi con chung: Bà **V** và ông **L** có 01 con chung tên Trương Ngọc Như Ý (nữ), sinh ngày 12-11-2012. Bà **V** yêu cầu được nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy, cháu Như Ý có nguyện vọng sống với bà V, hiện tại cháu cũng đang sống chung với bà V, do đó để tránh làm xáo trộn đời sống tinh thần của hai cháu nên giao cháu Như Ý cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do bà V không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà V xác định không có và do xét xử vắng mặt ông L nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc V và ông Trương Hữu L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trương Ngọc Như Ý (nữ), sinh ngày 12-11-2012 cho bà Nguyễn Thị Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông L không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của cháu Như Ý, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc V phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001137 ngày 03-4-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, bà V không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- UBND P. Tân An;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Phụng